TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2025/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Dư Thị Út**

- Bà **Khưu Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như -** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 216/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh ngày 16/12/1966

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, sinh 09/9/1993

Địa chỉ: Số A, ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là số A, ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Tuấn A, sinh ngày 25/11/1990

Số căn cước công dân: 089090xxxxxx cấp ngày 16/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi thường trú: Số A, Hòa Bình, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số A, Hòa Bình, Khóm D, phường B, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Bạch T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp H, xã L, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số A, tổ I, Khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là Số A, tổ I, Khóm B, phường C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 04/01/2022, bà Bùi Thị D có cho ông Bùi Tuấn A vay số tiền là 350.000.000 đồng. Bà D giao tiền cho ông Tuấn A với hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà D đến tài khoản của ông Tuấn A, số tài khoản 7200205241350 mở tại Ngân hàng N1 chi nhánh B.

Hai bên có thỏa thuận lãi là 1%/ tháng, thời hạn trả là 03 năm, từ ngày 04/01/2022 đến ngày 04/01/2025. Để đảm bảo cho khoản vay trên, cha ông Bùi Tuấn A là ông Bùi Văn N có cầm cho bà D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S026037 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Bùi Văn N. Các bên thống nhất nếu ông Tuấn A không trả tiền đúng hạn thì ông N sẽ giao quyền sử dụng đất nêu trên cho bà D để trả nợ cho ông Tuấn A. Các nội dung trên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản.

Từ ngày vay tiền đến ngày 04/01/2025 ông Tuấn A có đóng lãi đầy đủ như thỏa thuận cho bà D theo hình thức chuyển khoản 03 tháng 01 lần. Khi đến hạn trả tiền là ngày 04/01/2025, bà D yêu cầu ông Tuấn A trả lại tiền gốc, ông Tuấn A hứa trả nhiều lần nhưng đến nay vẫn không trả.

Bà Bùi Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Tuấn A và ông Bùi Văn N liên đới trả cho bà số tiền vay còn nợ là 350.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 1%/ tháng, tính từ ngày 05/01/2025 đến ngày vụ án có kết quả giải quyết cuối cùng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tại phiên tòa ngày 19/9/2025: Theo chứng từ giao dịch ngày 04/01/2022 thể hiện người thụ hưởng là Bùi Tuấn A nhưng không có căn cứ nào xác định người thụ hưởng Bùi Tuấn A là bị đơn trong vụ án. Ông Bùi Tuấn A không có vay tiền của bà Bùi Thị D. Yêu cầu của bà Bùi Thị D là không có căn cứ chấp nhận.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 23/7/2025, ông Bùi Văn N trình bày ý kiến như sau: Ông Bùi Tuấn A là con ruột ông N, ông N không biết việc ông Tuấn A có vay tiền của bà Bùi Thị D, ông N không có đứng ra bảo lãnh khoản vay

nào của ông Tuấn A, không có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D đối với ông Bùi Tuấn A về việc yêu cầu trả số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng và tiền lãi là 31.033.000 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn về việc buộc ông Bùi Văn N liên đới trả số tiền vay.

Ông Bùi Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của các đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Bùi Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Tuấn A trả nợ vay, nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Bùi Tuấn A có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau. Do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc ông Bùi Văn N liên đới chịu trách nhiệm

trả tiền vay. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng của bà D:

[5.1] Bà Bùi Thị D xác định ngày 04/01/2022, bà Bùi Thị D có cho ông Bùi Tuấn A vay số tiền là 350.000.000 đồng. Bà D giao tiền cho ông Tuấn A với hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà D đến tài khoản của ông Tuấn A, số tài khoản 7200205241350 mở tại Ngân hàng N1 chi nhánh B. Hai bên có thỏa thuận thời hạn trả là 03 năm, từ ngày 04/01/2022 đến ngày 04/01/2025. Ông Bùi Tuấn A xác định không có vay tiền của bà Bùi Thị D.

[5.2] Theo Ngân hàng N1 chi nhánh B cung cấp thông tin như sau: Khách hàng thụ hưởng Bùi Tuấn A với số tài khoản là 7200205241350, số tiền giao dịch là 350.000.000 VND theo chứng từ giao dịch ngày 04/01/2022 tại A1 – Chi nhánh M có ngày tháng năm sinh là 25/11/1990, số căn cước công dân là 08909000189 cấp ngày 16/4/2021, địa chỉ tại Tổ I, khóm B, thị trấn C, tỉnh An Giang.

[5.3] Theo Công an phường B, tỉnh Cà Mau cung cấp thông tin ông Bùi Tuấn A trước khi chuyển đến thường trú tại địa chỉ Số A, Hòa Bình, Khóm D, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số A, Hòa Bình, Khóm D, phường B, tỉnh Cà Mau), có nơi thường trú là tổ I, Khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang. Phường C, thị xã T trước năm 2023 là thị trấn C, huyện T.

[5.4] Như vậy, có căn cứ xác định Bùi Tuấn A thể hiện tại chứng từ giao dịch ngày 04/01/2022 là bị đơn trong vụ án.

[5.5] Căn cứ theo sao kê tài khoản ngân hàng của bà Bùi Thị D, thời gian tính từ ngày 04/01/2022 đến ngày 04/01/2025, cứ cách khoảng 03 tháng một lần, ông Bùi Tuấn A chuyển tiền lãi cho bà D, mỗi lần chuyển số tiền 10.500.000 đồng.

[5.6] Qua đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà Bùi Thị D, có cơ sở xác định giữa bà Bùi Thị D và ông Bùi Tuấn A có thực hiện giao dịch vay tài sản, cụ thể là 350.000.000 đồng. Căn cứ Điều 401, Điều 463 Bộ luật Dân sự, hợp đồng vay tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết, việc thỏa thuận vay tài sản giữa bà D và ông A là phù hợp quy định pháp luật.

[5.6] Bị đơn ông Bùi Tuấn A và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Dương Bạch T không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có trả đủ tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho bà Bùi Thị D.

[5.7] Do đó, bà Bùi Thị D yêu cầu ông Bùi Tuấn A trả cho bà D số tiền vay gốc còn nợ là 350.000.000 đồng, xét thấy là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với tiền lãi: Bà Bùi Thị D yêu cầu ông Bùi Tuấn A trả tiền lãi với mức lãi suất 1%/ tháng, tính từ ngày 05/01/2025 đến ngày xét xử 30/9/2025 là 8 tháng

26 ngày, thành tiền là 31.033.000 đồng. Xét yêu cầu của bà D là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Xét thấy yêu cầu của bà D được chấp nhận, ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí.

[8] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

[9] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D đối với ông Bùi Tuấn A.

2. Buộc ông Bùi Tuấn A có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị D số tiền vay gốc còn nợ là 350.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 31.033.000 đồng. Tổng cộng là 381.033.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D về yêu cầu buộc ông Bùi Văn N liên đới chịu trách nhiệm trả tiền vay.

4. Về án phí: Ông Bùi Tuấn A phải chịu 19.051.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Bùi Thị D không phải chịu án phí. Bà D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 8.925.000 đồng theo biên lai số 0000828 ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Lam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.